

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 5 - 2018.

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kim

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn L, sinh năm: 1983 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Huỳnh Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn L và chị Phạm Thị M (sau đây gọi tắt là Anh L, Chị M) được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào ngày 21/12/2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa ngày 24/6/2004. Vợ chồng chung sống được 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống,

tính tình không hợp nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, Anh L yêu cầu ly hôn với Chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Huỳnh Chí Khải, sinh ngày 31/12/2002, giới tính nam và Huỳnh Chí Khang, sinh ngày 08/01/2008, giới tính nam. Hiện các con đang sống chung với Anh L. Vợ chồng ly hôn Anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu Chị M cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 13/4/2018 cháu Huỳnh Chí Khải và Huỳnh Chí Khang có nguyện vọng được sống với cha là anh Huỳnh Văn L.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2018 bị đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M đồng ý ly hôn với Anh L.

Về con chung: Chị M đồng ý giao 02 con chung cho Anh L nuôi dưỡng, Chị M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị M và Anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu (bản phô tô); giấy khai sinh của cháu Huỳnh Chí Khải và Huỳnh Chí Khang (bản phô tô); trích lục kết hôn (bản sao); đơn xác nhận nơi cư trú.

Bị đơn cung cấp: Bản tự khai của chị Phạm Thị M.

Tài liệu do Tòa án thực hiện: Biên bản về việc đương sự vắng mặt; biên bản về việc không tiến hành hòa giải được; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ; bản tự khai ngày 13/4/2018 của cháu Huỳnh Chí Khải và Huỳnh Chí Khang.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Phạm Thị M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án Chị M cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa Anh L với Chị M là hợp pháp. Tại phiên tòa, Anh L trình bày lý do xin ly hôn là do Chị M đi làm ăn xa và có quan hệ

tình cảm với người đàn ông khác. Ngoài ra trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng Anh L kiên quyết xin ly hôn cho thấy tình cảm vợ chồng giữa Anh L và Chị M không còn nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại bản tự khai ngày 11/4/2018 Chị M cũng đồng ý ly hôn với Anh L. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho Anh L được ly hôn với Chị M.

[3] *Về con chung*: Tại bản tự khai ngày 11/4/2018 Chị M đồng ý để Anh L tiếp tục nuôi 02 con chung. Hiện tại các con của Anh L và Chị M đều đã trên 7 tuổi, 02 con chung của Chị M và Anh L có nguyện vọng được sống với Anh L. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 con chung cho Anh L tiếp tục nuôi dưỡng, Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị M có quyền và nghĩa vụ tới lui trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

[4] *Về chia tài sản chung*: Anh L và Chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0006848 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Anh Huỳnh Văn L được ly hôn với chị Phạm Thị M.

2. *Về con chung*: Giao cháu Huỳnh Chí Khải, sinh ngày 31/12/2002, giới tính nam và Huỳnh Chí Khang, sinh ngày 08/01/2008, giới tính nam cho Anh L tiếp tục nuôi dưỡng, Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị M có quyền và nghĩa vụ tới lui trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung:* Anh L và Chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Anh L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0006848 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Anh L đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh

